

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG	
1	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:		
1.1	Am hiểu về gói thầu: a. Thuyết minh về quy mô, giải pháp thiết kế; căn cứ lập biện pháp thi công cụ thể cho gói thầu.	Đề xuất đầy đủ, chi tiết các nội a và b	Đạt
	b. Trình bày hiểu biết của nhà thầu về khu vực thực hiện gói thầu đang xét từ đó đưa ra đánh giá của nhà thầu về những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện gói thầu đang xét và những yêu cầu cần đặt ra trong quá trình thi công để khắc phục khó khăn đó	Không đề xuất tất cả các nội dung trên hoặc sơ sài hoặc thiếu ≥ 1 nội dung.	Không đạt
1.2	Bộ máy tổ chức hiện trường của nhà thầu: Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà thầu; nêu rõ mối liên hệ giữa công ty và BCH công trình, trách nhiệm và quyền hạn của từng bộ phận trên công trường	Đề xuất đầy đủ, chi tiết các nội dung	Đạt
		Không đề xuất tất cả các nội dung trên hoặc sơ sài hoặc thiếu ≥ 1 nội dung.	Không đạt
1.3	Tổ chức mặt bằng thi công tại công trường: Nhà thầu có thuyết minh, bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường hợp lý, bao gồm các nội dung: a. Tổ chức giao thông nội bộ; b. Công trình tạm, kho bãi vật liệu, thiết bị thi công; c. Cấp điện phục vụ thi công; d. Cấp thoát nước phục vụ thi công; e. Bố trí mặt bằng thi công hạng mục công trình theo từng giai đoạn, bản vẽ thể	Đề xuất đầy đủ, chi tiết các nội a, b, c, d, e.	Đạt
		Không đề xuất hoặc có đề xuất nội dung trên sơ sài hoặc thiếu ≥ 1 nội dung.	Không đạt

	hiện mặt bằng, chi tiết đúng với hồ sơ thiết kế được duyệt, hợp lý khả thi phù hợp với quy mô, hiện trạng công trình xây dựng, đảm bảo an toàn.		
1.4	Biện pháp tổ chức thi công gói thầu: a. Có quy trình thi công và bảng các tiêu chuẩn áp dụng. b. Nêu rõ các mũi thi công dự kiến của nhà thầu và bố trí các mũi thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật. c. Biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công các công tác chính (nêu rõ trình tự thi công các hạng mục). d. Có đề xuất giải pháp phối hợp với các nhà thầu khác trong dự án và ban quản lý dự án đảm bảo thi công đúng trình tự được xuyên suốt. e. Có đề xuất giải pháp đảm bảo an toàn kết cấu cho các công trình lân cận. f. Các hành động khắc phục, phòng ngừa trong quá trình thi công g. Biện pháp thi công đảm bảo an ninh, an toàn và sẵn sàng chiến đấu của đơn vị	Đề xuất đầy đủ, chi tiết các nội a, b, c, d, e, f, g.	Đạt
		Không Đề xuất đầy đủ, chi tiết các nội a, b, c, d, e, f, g hoặc có đề xuất nội dung trên sơ sai hoặc thiếu ≥ 1 nội dung	Không đạt
2	Biện pháp kỹ thuật thi công; kế hoạch và tiến độ cung cấp vật tư, huy động máy móc thiết bị cho gói thầu:		
2.1	Biện pháp kỹ thuật thi công các công việc, hạng mục thuộc mẫu số 01A và quy mô gói thầu tại chương V-HSMT - Nhà thầu có biện pháp kỹ thuật thi công (bao gồm thuyết minh và bản vẽ) chi tiết công tác trắc đạc, tường rào chắn bảo vệ và chi tiết	Đề xuất đầy đủ, chi tiết rõ ràng và hợp lý tất cả các nội dung công việc, hạng mục của gói thầu	Đạt
		Đề xuất đầy đủ nhưng chưa chi tiết, rõ ràng hoặc đề xuất không hợp lý thiếu ≥ 1 nội dung.	Không đạt

	cho tất cả các nội dung công việc, hạng mục của gói thầu đảm bảo đầy đủ các công việc theo yêu cầu kỹ thuật tại mẫu số 01A và chương V; đúng quy trình, quy phạm pháp luật và các tiêu chuẩn hiện hành.		
2.2	Sơ đồ tổ chức của nhà thầu tại công trường đầy đủ, hợp lý, chi tiết, rõ ràng, thể hiện mối quan hệ công tác, quyền hạn, nhiệm vụ trên công trường bao gồm: Chỉ huy trưởng, bộ phận quản lý tiến độ, bộ phận quản lý kỹ thuật, bộ phận quản lý chất lượng, bộ phận trắc đạc, bộ phận quản lý an toàn lao động, bộ phận quản lý thiết bị và bộ phận quản lý vật tư	Có sơ đồ tổ chức và thuyết minh trình bày đầy đủ, rõ ràng, hợp lý, khả thi, phù hợp đặc điểm công trình.	Đạt
		Không có sơ đồ hoặc không có thuyết minh hoặc trình bày thiếu (hoặc có nhưng không đầy đủ, rõ ràng, hợp lý, khả thi, phù hợp đặc điểm công trình) > 01 nội dung.	Không đạt
2.3	Kế hoạch, tiến độ cung cấp vật liệu chính cho gói thầu: a. Bảng danh mục vật tư, vật liệu của toàn bộ gói thầu và mức độ đáp ứng về chủng loại vật tư, vật liệu chính (danh mục quy định tại Chương V của E-HSMT): Tên vật tư, vật liệu, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, nhà cung cấp đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT. b. Dự trù tiến độ cung cấp vật liệu, thiết bị c. Có hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị cung cấp vật liệu, kèm theo giấy phép đăng ký kinh doanh phù hợp của đơn vị cung cấp.	Đề xuất đầy đủ, cụ thể, chi tiết rõ ràng và hợp lý tất cả các nội dung	Đạt
		Không Đề xuất hoặc đề xuất chưa cụ thể, chi tiết, rõ ràng không hợp lý thiếu ≥ 1 nội dung.	Không đạt
2.4	Kế hoạch huy động máy móc, thiết bị chính cho gói thầu	Có kế hoạch và khả năng huy động máy móc thiết bị, kèm theo bảng danh mục máy móc, thiết bị chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu	Đạt
		Không có kế hoạch và khả năng	Không đạt

		huy động máy móc thiết bị, kèm theo bảng danh mục máy móc, thiết bị chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu	
2.5	Công tác thí nghiệm: a. Có kế hoạch tổ chức thí nghiệm vật liệu sử dụng cho gói thầu, kế hoạch thí nghiệm vật liệu nhà thầu phải trình bày cụ thể các nội dung về: loại vật liệu; cách thức và địa điểm thí nghiệm. b. Có phòng thí nghiệm hoặc có hợp đồng nguyên tắc với phòng thí nghiệm hợp chuẩn, được cấp phép thí nghiệm các nội dung trong lĩnh vực xây dựng (đính kèm tài liệu chứng minh, bản chứng thực).	Đáp ứng tất cả yêu cầu a và b.	Đạt
		Đề xuất không đầy đủ hoặc đề xuất không hợp lý	Không đạt
3	Tiến độ thi công:		
3.1	Thời gian thi công	Có đề xuất thời gian thi công không vượt quá 150 ngày trong mọi bất lợi về thời tiết, ngày nghỉ, ngày lễ kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công đến khi nghiệm thu hoàn thành công trình.	Đạt
		Không có đề xuất thời gian thi công hoặc có đề xuất về thời gian thi công nhưng vượt quá 150 ngày.	Không đạt
3.2	Biểu đồ tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Có biểu đồ tiến độ thi công chi tiết với thời gian hoàn thành công trình không vượt quá 150 ngày trong mọi bất lợi về thời tiết, ngày nghỉ, ngày lễ kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công đến khi nghiệm thu hoàn thành công trình (nghĩa là từ lúc nhận mặt bằng thi công đến lúc nghiệm thu hoàn thành công trình không quá 150 ngày)	Đạt
		Không có biểu đồ chi tiết tiến độ thi công hoặc có nhưng thời gian hoàn thành công trình vượt quá 150 ngày trong mọi bất lợi về thời tiết, ngày nghỉ, ngày lễ kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công đến khi	Không đạt

		nghiệm thu hoàn thành công trình (nghĩa là từ lúc nhận mặt bằng thi công đến lúc nghiệm thu hoàn thành công trình không quá 150 ngày)	
3.3	Biện pháp bảo đảm tiến độ thi công công trình	Có biện pháp đảm bảo tiến độ thi công, giải pháp duy trì thi công phù hợp với tiến độ thi công công trình	Đạt
		Không có biện pháp đảm bảo tiến độ thi công, hoặc có biện pháp thi công không phù hợp, không khả thi với tiến độ thi công công trình	Không đạt
3.4	Tính phù hợp:	Có biểu đồ huy động đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a, b với tiến độ thi công.	Đạt
	a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Không có đề xuất hoặc đề xuất không đủ 2 nội dung a, b	Không đạt
3.4	Biện pháp đảm bảo thi công khi có các yếu tố khách quan (mưa bão, lũ lụt, mất điện...).	Có biện pháp đảm bảo tiến độ thi công khi có các yếu tố khách quan: Hợp lý, phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Đạt
		Đề xuất không đầy đủ hoặc đề xuất không hợp lý	Không đạt
4	Các biện pháp bảo đảm chất lượng:		
4.1	Biện pháp đảm bảo chất lượng cho từng công tác và toàn bộ gói thầu: a. Nêu chính sách về chất lượng của nhà thầu b. Biện pháp quản lý và đảm bảo chất lượng xây lắp. - Tiêu chuẩn áp dụng thi công và nghiệm thu. - Đảm bảo chất lượng trong quá trình thi công. - Sơ đồ hệ thống quản lý chất lượng xây lắp. - Quy trình quản lý chất lượng cho các công tác thi công các hạng mục công việc.	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi các nội dung a, b, c, d	Đạt
		Đề xuất không đầy đủ hoặc đề xuất không hợp lý	Không đạt

4.2	Quy trình kiểm tra chất lượng vật tư, tiếp nhận, lưu kho, bảo quản.	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi các nội dung	Đạt
		Đề xuất không đầy đủ hoặc đề xuất không hợp lý.	Không đạt
4.3	Biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão.	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi các nội dung	Đạt
		Đề xuất không đầy đủ hoặc đề xuất không hợp lý.	Không đạt
4.4	Biện pháp phối hợp thực hiện giữa các nhà thầu, đơn vị khác.	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi các nội dung	Đạt
		Đề xuất không đầy đủ hoặc đề xuất không hợp lý.	Không đạt
5	Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động:		
5.1	An toàn lao động		
	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công do nhà thầu đề xuất. Có biện pháp đảm bảo an toàn khi vừa triển khai thi công không ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của trường.	Có đề xuất tất cả nội dung trên rõ ràng, hợp lý	Đạt
		Không đề xuất tất cả nội dung trên hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý	Không đạt
5.2	Phòng cháy, chữa cháy		
	Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và thực tế hiện trạng công trình	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và thực tế hiện trạng công trình	Đạt
		Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp PCCC nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và thực tế hiện trạng công trình	Không đạt
5.3	Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường; biện pháp phòng chống thiên tai		
	a. Có biện pháp chống ồn, khói bụi và rung	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi các nội dung a, b, c.	Đạt
	b. Có biện pháp kiểm soát nước thải, dầu mỡ, hóa	Đề xuất không đầy đủ hoặc đề xuất không hợp lý.	Không đạt

	chất,...		
	c. Có biện pháp phòng chống thiên tai trong quá trình thi công		
5.4	Biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình liền kề; Biện pháp bảo vệ các công trình hạ tầng, cây xanh trong khu vực xung quanh; Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông ra vào công trình; Biện pháp An toàn cho người trong đơn vị; Biện pháp chi tiết, đầy đủ đảm bảo an toàn trong quá trình vừa thi công vừa hoạt động của trường.	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi các nội dung	Đạt
		Không đề xuất tất cả nội dung trên hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý	Không đạt
6	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì:		
6.1	Bảo hành		
	Thời gian bảo hành 12 tháng (có cam kết và thuyết minh quy trình thực hiện bảo hành công trình hợp lý, khả thi)	Có cam kết bằng văn bản với đầy đủ nội dung: - Cam kết thời gian bảo hành toàn bộ công trình lớn hơn hoặc bằng 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng. - Đối với phần thiết bị: Nhà thầu cam kết bảo hành với thời gian lớn hơn hoặc bằng thời gian bảo hành của nhà sản xuất và không nhỏ hơn 12 tháng.	Đạt
		Không có cam kết thời gian bảo hành kỹ thuật hoặc có cam kết thời gian bảo hành kỹ thuật nhưng nhỏ hơn 12 tháng và không đáp ứng đúng, đủ nội dung yêu cầu.	Không đạt
7	Các yếu tố thân thiện môi trường như: việc sử dụng các vật tư, vật liệu; dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác		
7.1	Lập bảng danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu chính phù hợp với yêu cầu của gói thầu, việc sử dụng các vật tư, vật liệu; dây chuyền, công nghệ thi công đảm bảo thân thiện với môi trường, chất lượng	Có bảng danh mục vật tư, vật liệu chính phù hợp với yêu cầu của gói thầu. Có trình bày đầy đủ các nội dung về công tác quản lý vật tư, vật liệu; việc sử dụng các vật tư, vật liệu; dây chuyền, công nghệ thi công đảm bảo thân thiện với môi trường, chất lượng và tiến độ theo	Đạt

	và tiến độ	yêu cầu của E-HSMT. Không có bảng danh mục vật tư, vật liệu chính hoặc có bảng danh mục vật tư, vật liệu chính nhưng chưa phù hợp với biện pháp thi công, với yêu cầu của gói thầu; kê khai thiếu danh mục vật tư, vật liệu. Trình bày thiếu hoặc sơ sài các nội dung về công tác quản lý chất lượng vật tư, vật liệu	Không đạt
7.2	Đối với các vật tư, vật liệu chính: Đá các loại, cát các loại, xi măng; thép xây dựng các loại; gạch xây các loại, Cửa các loại (kèm phụ kiện); Sơn lót, sơn phủ (nội, ngoại thất); dung dịch chống thấm; Đá granite; gạch ốp, lát các loại; Tôn, xà gồ thép; hoa sắt; vật tư, thiết bị điện, nước, PCCC, chống sét, ... Có cam kết của nhà cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật tư cho gói thầu, thông số kỹ thuật, liệt kê đầy đủ tính năng, đáp ứng yêu cầu của HSMT. (kèm theo đăng ký kinh doanh ngành nghề phù hợp)	Có bảng đề xuất danh sách vật tư, vật liệu chủ yếu sử dụng thi công gói thầu phù hợp với thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương V, trong đó phải nêu rõ: Tên, Chung loại (hoặc tương đương nhưng phải cụ thể hàng hóa), xuất xứ, nguồn cung cấp, mô tả thông số kỹ thuật - Kèm hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp. <i>Lưu ý: Nếu không đáp ứng yêu cầu trên thì bảng đề xuất vật tư của nhà thầu không đáp ứng E-HSMT và tiêu chí này được đánh giá là không đạt. Việc ghi cụm từ tương đương được đánh giá là không đạt do Tên, chung loại, nguồn gốc xuất xứ, nguồn cung cấp không rõ ràng, không đủ cơ sở đánh giá</i>	Đạt
		Không đáp ứng một trong các nội dung sau được đánh giá là Không đạt: - Không có bảng đề xuất vật tư, vật liệu kèm theo E-HSDT. - Có đề xuất nhưng không đầy đủ các loại vật tư, vật liệu hoặc vật tư, vật liệu không phù hợp với thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương V hoặc không nêu đầy đủ thông tin theo yêu cầu. - Không đính kèm hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp	Không đạt
7.3	Nhà thầu có năng lực và có thiết bị thí nghiệm, kiểm tra hiện trường hoặc có hợp đồng thuê đơn vị có năng	Có năng lực và có thiết bị thí nghiệm, kiểm tra hiện trường hoặc có hợp đồng thuê đơn vị có năng lực, tư cách pháp nhân, có phòng	Đạt

	lực, tư cách pháp nhân, có phòng thí nghiệm LAS được công nhận theo đúng quy định hiện hành	thí nghiệm LAS được công nhận theo đúng quy định hiện hành (kèm theo có bản sao ĐKKD, quyết định công nhận phòng thí nghiệm LAS, được công chứng chứng thực)	
		Không có tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu của HSMT	Không đạt
8	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yếu tố cần thiết khác.		
8.1	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu <i>(nhà thầu gửi kèm bản cam kết, trường hợp cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận)</i>	Không vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu Theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Đạt
		Nhà thầu có vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Không đạt
8.2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu	Không từ chối thương thảo hợp đồng, không từ chối hoàn thiện ký kết hợp đồng; Có cam kết và chịu trách nhiệm tính chính xác của các thông tin kê khai trên webform và file tài liệu đính kèm trong quá trình tham dự thầu	Đạt
		Từ chối thương thảo hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện ký kết hợp đồng; Không có cam kết về tính chính xác của các thông tin kê khai trên webform và file tài liệu đính kèm trong quá trình tham dự thầu	Không đạt
8.3	Uy tín tài chính Tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu. - Nhà thầu có Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế về việc nhà thầu đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế <i>(không nợ thuế với bất kỳ hình thức nào)</i> đến hết năm 2025.	Có văn bản xác nhận không còn nợ đọng thuế của cơ quan thuế quản lý được công chứng bởi các cơ quan nhà nước kèm theo	Đạt
		Không có văn bản xác nhận không còn nợ đọng thuế của cơ quan thuế quản lý hoặc có nhưng không đáp ứng được thời gian yêu cầu.	Không đạt

	(Có tài liệu công chứng chứng thực nội dung trên)		
Kết luận	Tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.	Đạt	
	Có 1 tiêu chí được xác định là không đạt	Không đạt	

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.